

Bản án số: 97/2017/HS - ST

Ngày: 07 - 12 - 2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hà Bắc.

Ông Lê Thanh Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa:** Ông Cao Thanh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2017/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/HSST-QĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn T - Sinh năm 1965; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Trịnh Văn H và bà Bùi Thị C (đều đã chết); có vợ là: Doãn Thị M - Sinh năm 1970, làm ruộng tại xã G, huyện G, tỉnh N; có 03 con: Lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2017 đến ngày 26/10/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương theo Quyết định cho bảo lãnh số: 03 ngày 26/10/2017 của Viện KSND huyện Giao Thủy.

2. Lê Văn T - Sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ trạm y tế xã G; con ông: Lê Văn H - Sinh năm 1962 và bà Phạm Thị N - Sinh năm 1965, đều làm ruộng tại xã G, huyện G; có vợ là: Bùi Thị V - Sinh năm 1987 hiện là giáo viên trường Tiểu học G. Có 02 con: Lớn sinh năm 2011, nhỏ

sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2017 đến ngày 27/9/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Quyết định cho bảo lãnh số: 08 ngày 27/9/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

3. Vũ Văn Đ - Sinh năm 1966; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông Vũ Văn Đ và bà Phan Thị M (đều đã chết); Vợ là Trần Thị H - Sinh năm 1968, làm ruộng tại xã G, huyện G, tỉnh N; Có 03 con: Lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2017 đến ngày 31/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 33 ngày 31/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

4. Hoàng Văn T - Sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N. Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Hoàng Văn T - Sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1960, đều làm ruộng tại xã G, huyện G, tỉnh N; Vợ là: Phạm Thị B - Sinh năm 1986, làm ruộng tại xã Giao X, huyện G; có 02 con: Lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2017 đến ngày 31/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 34 ngày 31/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

5. Trần Văn N - Sinh năm 1968; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N. Trình độ văn hóa: lớp 2/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trần Văn B và bà Đỗ Thị R (đều đã chết); Vợ là: Phan Thị H - Sinh năm 1973, hiện là Công nhân may tại N; Có 03 con: Lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2017 đến ngày 31/8/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị cáo hiện tại ngoại tại địa phương chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 35 ngày 31/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giao Thủy.

*\* Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn N - Sinh năm 1957
2. Ông Trịnh Quốc S - Sinh năm 1965
3. Ông Nguyễn Văn B - Sinh năm 1963
4. Chị Doãn Thị M - Sinh năm 1970.

Đều trú tại: Xóm X, xã Giao X, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N. Người làm chứng có mặt ông Nguyễn Văn B, những người làm chứng khác vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 28/8/2017, Vũ Văn Đ, Lê Văn T; Hoàng Văn T; Trần Văn N đến nhà Trịnh Văn T với mục đích đánh bạc ăn tiền. Khi đến nhà T các đối tượng đặt vấn đề với T đánh phỏm ăn tiền tại nhà T, T đồng ý và trải một chiếu cói ra gian phòng khách và lấy 01 bộ bài cho Đ, T, T, N. Bốn đối tượng thống nhất với nhau đánh phỏm ăn tiền với mức ù 100.000 đồng, ai ù thì sẽ bỏ ra 20.000 đồng tiền hồ cho T. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày các đối tượng Nguyễn Văn B, Trịnh Quốc S, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu V đến nhà T ngồi xem Đ, T, T, N đánh bạc tại chiếu số 01. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày T lấy bài trải chiếu và cùng N, S, B đánh phỏm ăn tiền thống nhất chơi ù 50.000 đồng, ai ù thì bỏ ra 10.000 đồng tiền hồ cho T tại chiếu bạc 02, sau đó Hoàng Đức V, Lâm Văn Q, Lê Văn T đến ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày trong lúc các đối tượng đang đánh phỏm ăn tiền thì bị lực lượng Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số 01 có Đ, T, T, N ngồi đánh có số tiền 6.650.000 đồng và 60.000 đồng tiền hồ, thu giữ tại chiếu bạc số 02 có T, B, S, N ngồi đánh số tiền 1.000.000 đồng và 40.000 đồng tiền hồ, thu trên người T 8.000.000 đồng, thu của các đối tượng 09 chiếc điện thoại + 05 xe máy các loại và 2 chiếc chiếu cói, 02 bộ bài tú lơ khơ, khám xét khẩn cấp nhà ở của Trịnh Văn T lực lượng Công an còn thu giữ tại móc treo quần áo trong gian buồng lồi phía tây nhà T có số tiền 4.070.000 đồng, thu giữ tại gầm giường chiếu số 02 nơi T, B, S, N chơi 01 ví da màu đen bên trong có 11.500.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn T.

Tại phiên tòa Vũ Văn Đ khai nhận: Khi đi Đ mang theo 1.400.000 đồng, khi bị bắt Đ đang hòa và bỏ hết số tiền 1.400.000 đồng dưới chiếu bạc; Hoàng Văn T khai nhận: Khi đi T mang theo 980.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị lực lượng Công an bắt giữ T đang thắng nhưng không rõ bao nhiêu và bỏ cả dưới chiếu bạc; Lê Văn T khai nhận: Khi đi thiết mang theo số tiền 10.000.000 đồng trong đó sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị lực lượng Công an bắt giữ, T đang thua 400.000 đồng còn 1.600.000 đồng dưới chiếu bạc. Ngoài ra Thiết còn bị thu giữ 8.000.000 đồng trên người; Trần Văn Nghị khai nhận: Khi đi Nghị mang theo 900.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt N đang thua 300.000 đồng. Số tiền còn lại N để cả dưới chiếu bạc và bị lực lượng Công an thu giữ. Trịnh Văn T khai nhận số tiền 11.500.000 đồng ở

trong ví bị thu là của T, nhưng chỉ lấy ra 300.000 đồng sử dụng đánh bạc, số tiền còn lại là của gia đình không sử dụng đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số: 93/CTR ngày 07/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T, Trần Văn N về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Trịnh Văn T về tội “Gá bạc” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ quyền công tố luận tội và tranh luận xác định hành vi của các bị cáo Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T, Trần Văn N đã cấu thành tội “Đánh bạc” Trịnh Văn T về tội “Gá bạc” vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo các bị cáo Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T, Trần Văn N về tội “Đánh bạc” Trịnh Văn T về tội “Gá bạc” và đề nghị:

Về hình phạt, áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 ; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo, Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và tiền hồ là: 8.050.000 đồng và 4.070.000 đồng khi khám xét thu giữ, quá trình điều tra không ai nhận số tiền này.

- Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếu cói và 02 bộ bài tú lơ khơ đã thu giữ.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giao Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 28/8/2017 lực lượng Công an huyện Giao Thủy phát hiện bắt quả tang tại nhà Trịnh Văn T (thuộc Xóm X, xã G, huyện G, tỉnh N ) 02 chiếu bạc đánh phở ăn tiền, chiếu số 01 gồm các bị cáo: Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N. Các bị cáo thống nhất với nhau đánh phở ăn tiền với mức ù 100.000 đồng, ai ù sẽ bỏ ra 20.000 đồng tiền hồ cho T. Thu tại chiếu bạc số 01 số tiền dùng đánh bạc là: 6.650.000 đồng và 60.000 đồng tiền hồ. Chiếu số 02 gồm: Trịnh Văn T, Nguyễn Văn B, Trịnh Quốc S và Nguyễn Văn N đánh phở mức ù 50.000 đồng, ai ù thì bỏ ra 10.000 đồng tiền hồ cho T. Thu giữ tại chiếu bạc số 02 số tiền 1.000.000 đồng và 40.000 đồng tiền hồ. Như vậy hành vi của các bị cáo: Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự do việc bị cáo dùng nhà ở của mình cùng một lúc cho cho 08 người đánh bạc trên hai chiếu bạc để thu tiền hồ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ảnh hưởng xấu tới trật tự an ninh, trật tự xã hội. Cờ bạc là tệ nạn của xã hội, các bị cáo đều xác định được đánh bạc dưới hình thức đánh phở ăn tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cố ý thực hiện hành vi của mình, sát phạt nhau để thu lời bất chính. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng đối với từng hành vi của mỗi bị cáo nhằm trừng trị giáo dục riêng đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Xét vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt phù hợp.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đánh bạc được hưởng tình tiết giảm nhẹ sau: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan CSĐT và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối. Các bị cáo đều có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo Trịnh Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, ăn năn hối cải. Có xác nhận của Đồn biên phòng B vì đã cộng tác giúp đỡ lực lượng PCTP & MT của đơn vị triệt phá thánh công 01 kế hoạch nghiệp vụ đã giúp BDBP làm trong sạch địa bàn về ma túy. Bị cáo có đơn trình bày điều kiện gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy bị cáo được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p,q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS.

Các bị cáo đánh bạc là đồng phạm giữ vai trò ngang nhau, tuy nhiên căn cứ vào lượng tiền mà từng bị cáo sử dụng đánh bạc để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy tất cả các bị cáo trong vụ án đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, có hướng tự cải tạo. Vì vậy không nhất thiết buộc các bị cáo phải tập trung cải tạo, mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo: Trịnh Văn T và Lê Văn T; phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau nhằm thu lời bất chính, vì vậy áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo đánh bạc 3.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Áp dụng khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung đối với bị cáo T 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với Nguyễn Văn N, Trịnh Quốc S, Nguyễn Văn B và Trịnh Văn T đã thực hiện hành đánh bạc (đánh phỏm) nhưng số tiền thu trên chiếu bạc là 1.000.000 đồng và 40.000 đồng tiền hồ, kể cả số tiền 300.000 đồng T khai sẽ dùng đánh bạc cũng chưa đủ lượng để cấu thành tội đánh bạc. Vì vậy Công an huyện Giao Thủy đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 đối tượng này là phù hợp pháp luật.

Đối với Nguyễn Hữu V, Hoàng Đức V, Lâm Văn Q, Lê Văn T đã có hành vi ngỗ nghịch xem các đối tượng đánh bạc tại nhà Trịnh Văn T, xét thấy không tham gia chơi bạc nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ là: 8.050.000 đồng, tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.070.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi đánh bạc, không có ai nhận. Vì vậy tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếu cói và 02 bộ bài tú lơ khơ.

- Đối với 09 chiếc điện thoại di động, 05 chiếc xe mô tô, 01 ví da màu đen, 01 chứng minh thư mang tên Trịnh Văn T và 19.500.000 đồng là tài sản không liên quan đến hành vi đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo và các đối tượng xem đánh bạc là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N phạm tội “Đánh bạc”. Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Gá bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p,h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2017 đến ngày 27/9/2017). Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249; điểm p,q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án (đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2017 đến ngày 26/10/2017). Phạt bổ sung 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Lê Văn T và Trịnh Văn T cho UBND xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Đ 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 03 ngày, quy đổi  $03 \times 3 = 09$  ngày ( Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 29/8/2017 đến ngày 31/8/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 23 tháng 21 ngày. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 03 ngày, quy đổi  $03 \times 3 = 09$  ngày ( Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 29/8/2017 đến ngày 31/8/2017). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 23 tháng 21 ngày. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ, được khấu trừ số ngày tạm giữ trước khi xét xử là 03 ngày, quy đổi  $03 \times 3 = 09$  ngày ( Bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 29/8/2017 đến ngày 31/8/2017).

Như vậy bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 23 tháng 21 ngày. Phạt bổ sung 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Văn Đ, Hoàng Văn T và Trần Văn N cho UBND xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với 03 bị cáo tính từ ngày UBND xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Vũ Văn Đ , Hoàng Văn T và Trần Văn N.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 12.120.000đồng (Mười hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng ).

- Tịch thu cho tiêu hủy: 02 chiếu cói và 02 bộ bài tú lơ khơ.

(Được ghi chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Các bị cáo Lê Văn T; Vũ Văn Đ; Hoàng Văn T; Trần Văn N, Trịnh Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Công an huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Xuân;
- Mỗi bị cáo: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thanh Lâm**



